

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017*  
*đã được soát xét*



**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT**

Số 17, ngõ 12, phố Nguyễn Khuyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

---

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Tổng Giám đốc</b>	<b>2 – 3</b>
<b>Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ</b>	<b>4</b>
<b>Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét</b>	<b>5 – 32</b>
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	9 – 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11 – 32

# CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT

Số 17, ngõ 12, phố Nguyễn Khuyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp xanh Hưng Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

### KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp xanh Hưng Việt (tiền thân là Công ty Cổ phần Xây lắp An Hưng) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0104659943 ngày 19 tháng 5 năm 2010 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 bao gồm:

- Nuôi trồng, kinh doanh thủy sản;
- Chăm sóc cây xanh;
- Kinh doanh cà phê hạt khô, hạt tiêu khô.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 17, ngõ 12, phố Nguyễn Khuyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Khánh Toàn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2017
Ông Nguyễn Ngọc Sơn	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2017
Ông Nguyễn Ngọc Sơn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2017
Ông Nguyễn Hoàng Linh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 7 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 7 năm 2017
Ông Nguyễn Bảo Quốc	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 7 năm 2017
Ông Phạm Đức Hoàn	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 17 tháng 3 năm 2017
Ông Triệu Văn Hợi	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 07 tháng 7 năm 2017
Ông Hoàng Quốc Anh	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 07 tháng 7 năm 2017
Ông Nguyễn Công Hoàng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 07 tháng 7 năm 2017

### TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Tổng Giám đốc, Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Khánh Toàn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2017
Ông Nguyễn Ngọc Sơn	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2017
Ông Nguyễn Đồng Minh	Kế toán trưởng	

### KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT

Số 17, ngõ 12, phố Nguyễn Khuyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Báo cáo của Tổng Giám đốc (tiếp theo)**

---

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2017

**Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Khánh Toàn**



Số: 269./2017/BCSX-AASCN

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp xanh Hưng Việt được lập ngày 14 tháng 8 năm 2017, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại thuyết minh số V.07, giá trị quyền sử dụng đất của các cổ đông góp vốn vào các Công ty con là 5.000.000.000 đồng (trong đó vốn góp vào Công ty Cổ phần Thực phẩm Bắc Việt Yên Châu là 500.000.000 đồng, vốn góp vào Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hưng Nguyên là 4.500.000.000 đồng), đến thời điểm này các Công ty con chưa hoàn thiện xong thủ tục chuyển quyền sở hữu giá trị quyền sử dụng đất sang tên của các Công ty này.

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2017

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn  
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

**Phó Giám đốc**



**Bùi Ngọc Hà**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0662-2013-152-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>56.763.044.353</b>	<b>61.873.860.305</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>1.392.290.882</b>	<b>1.790.330.128</b>
1.	Tiền	111	V.01	1.392.290.882	1.790.330.128
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II.</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>51.341.601.318</b>	<b>51.770.932.857</b>
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	12.348.691.229	19.524.282.816
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		82.643.600	60.400.000
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.03	9.472.320.000	9.472.320.000
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	29.437.946.489	22.713.930.041
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.05</b>	<b>3.983.245.680</b>	<b>8.271.685.365</b>
1.	Hàng tồn kho	141		3.983.245.680	8.271.685.365
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>45.906.473</b>	<b>40.911.955</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.08	862.500	862.500
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		45.043.973	40.049.455
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

27/1/2017 H N H K A

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT**

Số 17, ngõ 12, phố Nguyễn Khuyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>29.146.165.281</b>	<b>29.759.578.686</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	216		-	-
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>29.023.264.777</b>	<b>29.615.777.121</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	24.083.675.404	24.656.050.872
	- Nguyên giá	222		27.707.412.136	27.707.412.136
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(3.623.736.732)	(3.051.361.264)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.07	4.939.589.373	4.959.726.249
	- Nguyên giá	228		5.000.000.000	5.000.000.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(60.410.627)	(40.273.751)
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
<b>IV.</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V.</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
<b>VI.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>122.900.504</b>	<b>143.801.565</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	122.900.504	143.801.565
6.	Lợi thế thương mại	269		-	-
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>85.909.209.634</b>	<b>91.633.438.991</b>

11.31.3.VINIE M

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT**

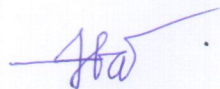
Số 17, ngõ 12, phố Nguyễn Khuyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

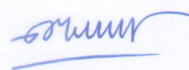
STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>8.143.138.486</b>	<b>13.947.683.719</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>6.839.818.486</b>	<b>13.596.023.719</b>
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	3.123.595.049	8.730.688.070
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		20.000.000	-
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	565.367.921	1.130.998.020
4.	Phải trả người lao động	314		115.051.719	84.288.636
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	88.923.797	112.208.993
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.09	2.926.880.000	3.537.840.000
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.303.320.000</b>	<b>351.660.000</b>
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.09	1.303.320.000	351.660.000
<b>D.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>77.766.071.148</b>	<b>77.685.755.272</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.13</b>	<b>77.766.071.148</b>	<b>77.685.755.272</b>
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		56.500.000.000	56.500.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		56.500.000.000	56.500.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		(106.363.636)	(106.363.636)
5.	Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.567.480.008	9.492.992.941
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		9.492.992.941	8.049.976.837
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		74.487.067	1.443.016.104
13.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		11.804.954.776	11.799.125.967
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>85.909.209.634</b>	<b>91.633.438.991</b>

Người lập biểu



Đỗ Thị Hà

Kế toán trưởng



Nguyễn Đồng Minh

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2017

Tổng Giám đốc



Nguyễn Khánh Toàn



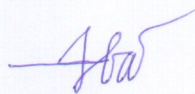
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  
GIỮA NIÊN ĐỘ**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

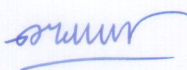
STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
1.	<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>VI.01</b>	<b>23.643.049.978</b>	<b>7.161.349.273</b>
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>23.643.049.978</b>	<b>7.161.349.273</b>
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	22.636.113.227	6.044.405.005
5.	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>1.006.936.751</b>	<b>1.116.944.268</b>
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	447.693.351	342.907.270
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	169.464.258	-
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		169.464.258	-
8.	Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9.	Chi phí bán hàng	25	VI.06	12.000.000	-
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	620.422.835	642.568.689
11.	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>652.743.009</b>	<b>817.282.849</b>
12.	Thu nhập khác	31		-	-
13.	Chi phí khác	32	VI.05	492.034.395	277.660.046
14.	<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(492.034.395)</b>	<b>(277.660.046)</b>
15.	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>160.708.614</b>	<b>539.622.803</b>
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.07	80.392.738	193.738.538
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18.	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>80.315.876</b>	<b>345.884.265</b>
19.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	61		5.828.809	149.962.329
20.	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	62		74.487.067	195.921.936
21.	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>VI.08</b>	<b>13</b>	<b>35</b>
22.	<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>71</b>	<b>VI.09</b>	<b>13</b>	<b>35</b>

Người lập biểu



Đỗ Thị Hà

Kế toán trưởng



Nguyễn Đồng Minh

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2017

Tổng Giám đốc



Nguyễn Khánh Toàn

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		30.850.005.200	22.242.220.500
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(23.899.614.021)	(17.305.821.349)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(469.456.157)	(446.816.397)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(169.464.258)	-
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		(573.219.099)	(150.029.274)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		885.095.000	6.767.944.156
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(7.603.674.947)	(6.988.701.259)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(980.328.282)</b>	<b>4.118.796.377</b>
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		-	-
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(9.720.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	7.044.680.000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		241.589.036	60.160
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>241.589.036</b>	<b>(2.675.259.840)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT**

Số 17, ngõ 12, phố Nguyễn Khuyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		5.832.000.000	-
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(5.491.300.000)	-
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>340.700.000</b>	<b>-</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(398.039.246)</b>	<b>1.443.536.537</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>1.790.330.128</b>	<b>467.667.930</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>1.392.290.882</b>	<b>1.911.204.467</b>

Người lập biểu

**Đỗ Thị Hà**

Kế toán trưởng

**Nguyễn Đồng Minh**

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2017

Tổng Giám đốc

**Nguyễn Khánh Toàn**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**01. Hình thức sở hữu vốn**

Là Công ty cổ phần.

**02. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất và thương mại.

**03. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 bao gồm:

- Nuôi trồng, kinh doanh thủy sản;
- Chăm sóc cây xanh;
- Kinh doanh cà phê hạt khô, hạt tiêu khô.

**04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

**05. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tên công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ tại ngày 30/6/2017	Quyền biểu quyết trực tiếp của Công ty mẹ tại ngày 30/6/2017	Quyền biểu quyết trực tiếp của Công ty mẹ tại ngày 01/01/2017
<b>Công ty con đầu tư trực tiếp</b>				
1.Công ty Cổ phần Thực phẩm Bắc Việt Yên Châu	Thôn Thanh Yên II, xã Phiêng Khoài, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La	90,00%	90,00%	90,00%
2.Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hưng Nguyên	Thôn 2, xã Nga Mỹ, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá	59,09%	59,09%	59,09%

**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**01. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT

Số 17, ngõ 12, phố Nguyễn Khuyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và áp dụng thông tư 202/2014/TT0BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

#### 02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

#### 02. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### 03. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### 04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT**

Số 17, ngõ 12, phố Nguyễn Khuyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

#### *Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình*

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

#### *Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 27 năm
- Máy móc, thiết bị	08 năm
- Quyền sử dụng đất có thời hạn	08 năm
- Quyền sử dụng đất lâu dài	Không trích khấu hao

### **06. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### **07. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### **08. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh hợp nhất (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

### **09. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

## **CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT**

Số 17, ngõ 12, phố Nguyễn Khuyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### ***Doanh thu hợp đồng xây dựng***

- Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

#### ***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### **10. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

### **11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

Theo quy định tại khoản 01 điều 20, và khoản 01 điều 19 thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Công ty Cổ phần Thực phẩm Bắc Việt Yên Châu (Công ty con) được miễn thuế 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT**

Số 17, ngõ 12, phố Nguyễn Khuyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

**12. Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

**a. Phương pháp ghi nhận lợi ích cổ đông không kiểm soát:**

Trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản thuần của các Công ty con được xác định và trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con.

**b. Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ:**

**Loại trừ ảnh hưởng của giao dịch bán hàng tồn kho:**

Doanh thu và giá vốn của hàng tiêu thụ trong nội bộ tập đoàn phải được loại trừ toàn bộ. Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch bán hàng đang phản ánh trong giá trị của hàng tồn kho cũng phải được loại trừ hoàn toàn.

Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho cuối kỳ phải được loại trừ khỏi giá trị hàng tồn kho cuối kỳ, đồng thời lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho đầu năm cũng phải được loại trừ khỏi giá vốn hàng bán trong kỳ.

**c. Loại trừ ảnh hưởng của giao dịch bán tài sản cố định trong nội bộ**

Các khoản thu nhập khác, chi phí khác, lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch bán tài sản cố định trong nội bộ tập đoàn phải được loại trừ hoàn toàn. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất, giá trị ghi sổ của TSCĐ (nguyên giá, hao mòn lũy kế) phải được điều chỉnh lại như thể không phát sinh giao dịch bán tài sản cố định trong nội bộ tập đoàn.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

*Đơn vị tính: VND*

**01. Tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	1.260.350.232	1.758.613.515
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	131.940.650	31.716.613
<b>Cộng</b>	<u><u>1.392.290.882</u></u>	<u><u>1.790.330.128</u></u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT**

Số 17, ngõ 12, phố Nguyễn Khuyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**02. Phải thu của khách hàng**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>12.348.691.229</b>	<b>19.524.282.816</b>
- Công ty Cổ phần thương mại công nghiệp Trường An	4.521.165.000	-
- Công ty Cổ phần Nông nghiệp Sao Xanh	2.265.584.500	7.422.584.500
- Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư AFX	2.824.090.000	5.382.090.000
- Công ty Cổ phần Xuất khẩu Nông sản phía Nam	-	3.444.029.400
- Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Sao Xanh	1.489.952.000	2.720.152.000
- Phải thu các khách hàng ngắn hạn khác	1.247.899.729	555.426.916
<b>Cộng</b>	<b>12.348.691.229</b>	<b>19.524.282.816</b>

**03. Phải thu về cho vay**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>9.472.320.000</b>	-	<b>9.472.320.000</b>	-
- Ông Hoàng Thế Quân <sup>(a)</sup>	6.067.000.000	-	6.067.000.000	-
- Ông Mai Văn Thiện <sup>(b)</sup>	2.055.320.000	-	2.055.320.000	-
- Ông Nguyễn Quý Toàn <sup>(c)</sup>	1.350.000.000	-	1.350.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>9.472.320.000</b>	-	<b>9.472.320.000</b>	-

<sup>(a)</sup> Khoản cho Ông Hoàng Thế Quân vay theo nghị quyết Hội đồng Quản trị số 032/2016/NQ – HĐQT ngày 24 tháng 3 năm 2016, hợp đồng nguyên tắc tín dụng số 001/2016/HĐNTTD-NNX ngày 31 tháng 3 năm 2016 và phụ lục gia hạn hợp đồng số 010117/PLGH-HV ngày 02 tháng 01 năm 2017, thời hạn vay 12 tháng; Lãi suất 9%/năm.

<sup>(b)</sup> Khoản cho Ông Mai Văn Thiện vay theo hợp đồng tín dụng số 001/2015/HĐNTTD-HN ngày 01 tháng 12 năm 2015 với thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 9%/năm. Khoản vay này được gia hạn theo phụ lục hợp đồng số 011216/PLGH-HN ngày 01 tháng 12 năm 2016.

<sup>(c)</sup> Khoản cho Ông Nguyễn Quý Toàn vay theo hợp đồng số 001/2016/HĐNTTD-BVYC ngày 10 tháng 8 năm 2016 và phụ lục gia hạn hợp đồng số 0117/PLHĐTD-BVYC ngày 10 tháng 01 năm 2017. Thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất cho vay 12,2%/năm.

**04. Phải thu khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>29.437.946.489</b>	-	<b>22.713.930.041</b>	-
- Tạm ứng	29.048.454.711	-	22.533.542.578	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.000.000	-	9.000.000	-
- Phải thu khác	386.491.778	-	171.387.463	-
+ <i>Lãi tiền cho vay phải thu</i>	377.491.778	-	171.387.463	-
+ <i>Các khoản phải thu khác</i>	9.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>29.437.946.489</b>	-	<b>22.713.930.041</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT**

Số 17, ngõ 12, phố Nguyễn Khuyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**05. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	244.548.048	-	238.725.315	-
- Công cụ, dụng cụ	12.000.000	-	12.000.000	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	55.447.632	-	220.322.755	-
- Hàng hoá	3.671.250.000	-	7.800.637.295	-
<b>Cộng giá gốc của hàng tồn kho</b>	<b>3.983.245.680</b>	<b>-</b>	<b>8.271.685.365</b>	<b>-</b>

**06. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Tổng cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>				
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>26.907.412.136</i>	<i>195.454.545</i>	<i>604.545.455</i>	<i>27.707.412.136</i>
- Mua trong kỳ	-	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>26.907.412.136</i>	<i>195.454.545</i>	<i>604.545.455</i>	<i>27.707.412.136</i>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>2.970.957.332</i>	<i>60.252.417</i>	<i>20.151.515</i>	<i>3.051.361.264</i>
- Khấu hao trong kỳ	532.604.516	9.543.680	30.227.272	572.375.468
- Tăng khác	-	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>3.503.561.848</i>	<i>69.796.097</i>	<i>50.378.787</i>	<i>3.623.736.732</i>
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình</b>				
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>23.936.454.804</i>	<i>135.202.128</i>	<i>584.393.940</i>	<i>24.656.050.872</i>
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	<i>23.403.850.288</i>	<i>125.658.448</i>	<i>554.166.668</i>	<i>24.083.675.404</i>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn sử dụng 0 đồng.

Một số tài sản có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là: 604.545.455 đồng và 554.166.668 đồng đang được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT**

Số 17, ngõ 12, phố Nguyễn Khuyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**07. Tăng giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>		
<i>Số dư đầu năm</i>	5.000.000.000	5.000.000.000
- Tăng do mua sắm	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	5.000.000.000	5.000.000.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
<i>Số dư đầu năm</i>	40.273.751	40.273.751
- Khấu hao trong kỳ	20.136.876	20.136.876
<i>Số dư cuối kỳ</i>	60.410.627	60.410.627
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình</b>		
1. <i>Tại ngày đầu năm</i>	4.959.726.249	4.959.726.249
2. <i>Tại ngày cuối kỳ</i>	4.939.589.373	4.939.589.373

Giá trị quyền sử dụng đất của các cổ đông góp vốn vào các Công ty con là 5.000.000.000 đồng (trong đó vốn góp vào Công ty Cổ phần Thực phẩm Bắc Việt Yên Châu là 500.000.000 đồng, vốn góp vào Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hưng Nguyên là 4.500.000.000 đồng), đến thời điểm này các Công ty con chưa hoàn thiện xong thủ tục chuyển quyền sở hữu giá trị quyền sử dụng đất sang tên của các Công ty này.

**08. Chi phí trả trước**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>a. Ngắn hạn</b>	862.500	862.500
- Giá trị công cụ dụng cụ đã xuất dùng	862.500	862.500
<b>b. Dài hạn</b>	122.900.504	143.801.565
- Giá trị công cụ dụng cụ đã xuất dùng	122.900.504	143.801.565
<b>Cộng</b>	123.763.004	144.664.065

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT**

Số 17, ngõ 12, phố Nguyễn Khuyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

	Số đầu năm		Trong kỳ		Số cuối kỳ		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
<b>09. Vay và nợ thuế tài chính</b>							
<b>a. Vay ngắn hạn</b>	<b>3.537.840.000</b>	<b>3.537.840.000</b>	<b>4.880.340.000</b>	<b>5.491.300.000</b>	<b>2.926.880.000</b>	<b>2.926.880.000</b>	
- Vay ngân hàng	3.441.960.000	3.441.960.000	4.332.000.000	5.443.360.000	2.330.600.000	2.330.600.000	
+ Ngân hàng TMCP Quân đội <sup>(a)</sup>	3.441.960.000	3.441.960.000	4.332.000.000	5.443.360.000	2.330.600.000	2.330.600.000	
- Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	95.880.000	95.880.000	548.340.000	47.940.000	596.280.000	596.280.000	
+ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - CN Hà Nội <sup>(b)</sup>	95.880.000	95.880.000	47.940.000	47.940.000	95.880.000	95.880.000	
+ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Ngô Quyền <sup>(c)</sup>	-	-	500.400.000	-	500.400.000	500.400.000	
<b>b. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn</b>	<b>351.660.000</b>	<b>351.660.000</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>548.340.000</b>	<b>1.303.320.000</b>	<b>1.303.320.000</b>	
<b>b1. Vay dài hạn</b>	<b>351.660.000</b>	<b>351.660.000</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>548.340.000</b>	<b>1.303.320.000</b>	<b>1.303.320.000</b>	
<b>Từ 1 năm đến 5 năm</b>	<b>351.660.000</b>	<b>351.660.000</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>548.340.000</b>	<b>1.303.320.000</b>	<b>1.303.320.000</b>	
- Vay ngân hàng	351.660.000	351.660.000	1.500.000.000	548.340.000	1.303.320.000	1.303.320.000	
+ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - CN Hà Nội <sup>(b)</sup>	351.660.000	351.660.000	1.500.000.000	548.340.000	1.303.320.000	1.303.320.000	
+ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Ngô Quyền <sup>(c)</sup>	-	-	1.500.000.000	500.400.000	999.600.000	999.600.000	
<b>Cộng</b>	<b>3.889.500.000</b>	<b>3.889.500.000</b>	<b>6.380.340.000</b>	<b>6.039.640.000</b>	<b>4.230.200.000</b>	<b>4.230.200.000</b>	

(a) Khoản vay ngân hàng TMCP Quân Đội theo hợp đồng cấp tín dụng số 29040.16.820.2784503.TD ngày 22/07/2016 để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền trên đất tại khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội của Ông Nguyễn Văn Hải (anh trai Ông Nguyễn Ngọc Sơn - Giám đốc cũ Công ty). Lãi suất 7,5% đến 9%/năm.

(b) Khoản vay ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - CN Hà Nội theo hợp đồng cho vay số 186/2016/HĐTD/PVB ngày 25 tháng 8 năm 2016 để mua xe ô tô. Tài sản đảm bảo là ô tô Fortd Ranger được mua từ vốn vay. Lãi suất vay 8%/năm.

(c) Khoản vay ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Ngô Quyền theo hợp đồng cho vay từng lần số 120617-3526675-01-SME ngày 19 tháng 6 năm 2017 để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 19%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT**

Số 17, ngõ 12, phố Nguyễn Khuyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**10. Phải trả người bán**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>3.123.595.049</b>	<b>3.123.595.049</b>	<b>8.730.688.070</b>	<b>8.730.688.070</b>
- Doanh nghiệp tư nhân Hồng Thắm	748.373.520	748.373.520	748.373.520	748.373.520
- Công ty TNHH đầu tư Tam Nguyên	616.000.000	616.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần Nam Hà Việt Thái	-	-	1.752.200.000	1.752.200.000
- Công ty Cổ phần nông sản Nam Á	681.218.700	681.218.700	3.351.218.700	3.351.218.700
- Các khoản phải trả người bán ngắn hạn khác	1.078.002.829	1.078.002.829	2.878.895.850	2.878.895.850
<b>Cộng</b>	<b>3.123.595.049</b>	<b>3.123.595.049</b>	<b>8.730.688.070</b>	<b>8.730.688.070</b>

**11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
- Thuế GTGT đầu ra	-	337.675.912	-	-	72.803.738	72.803.738	-	-	264.872.174	264.872.174
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	793.322.108	80.392.738	80.392.738	573.219.099	573.219.099	-	-	300.495.747	300.495.747
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	-	218.329.851	218.329.851	218.329.851	218.329.851	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	-	<b>1.130.998.020</b>	<b>298.722.589</b>	<b>298.722.589</b>	<b>864.352.688</b>	<b>864.352.688</b>	-	-	<b>565.367.921</b>	<b>565.367.921</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT**

Số 17, ngõ 12, phố Nguyễn Khuyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**12. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>88.923.797</b>	<b>112.208.993</b>
- Kinh phí công đoàn	23.967.700	21.771.700
- Bảo hiểm xã hội	10.770.390	30.823.000
- Bảo hiểm y tế	1.647.000	6.002.674
- Bảo hiểm thất nghiệp	732.000	2.371.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	51.806.707	51.240.619
<b>Cộng</b>	<b>88.923.797</b>	<b>112.208.993</b>

**13. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đồng không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	56.500.000.000	-	8.049.976.837	2.518.087.135	67.068.063.972
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	9.000.000.000	9.000.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	1.443.016.104	271.490.303	1.714.506.407
Phân phối lợi nhuận trong năm trước tại Công ty mẹ	-	-	-	9.548.529	9.548.529
Giảm khác	-	(106.363.636)	-	-	(106.363.636)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>56.500.000.000</b>	<b>(106.363.636)</b>	<b>9.492.992.941</b>	<b>11.799.125.967</b>	<b>77.685.755.272</b>
Số dư đầu năm nay					
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	74.487.067	5.828.809	80.315.876
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>56.500.000.000</b>	<b>(106.363.636)</b>	<b>9.567.480.008</b>	<b>11.804.954.776</b>	<b>77.766.071.148</b>

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
- Vốn góp của các cổ đông	56.500.000.000	100	56.500.000.000	100
<b>Cộng</b>	<b>56.500.000.000</b>	<b>100</b>	<b>56.500.000.000</b>	<b>100</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT**

Số 17, ngõ 12, phố Nguyễn Khuyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017</u>	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</u>
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	56.500.000.000	56.500.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	56.500.000.000	56.500.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**d. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.650.000	5.650.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.650.000	5.650.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.650.000	5.650.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.650.000	5.650.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.650.000	5.650.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017</u>	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</u>
- Doanh thu bán hàng hóa	21.935.461.800	4.982.400.000
- Doanh thu bán thành phẩm	1.593.951.813	1.761.222.000
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	113.636.365	45.454.546
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	372.272.727
<b>Cộng</b>	<b>23.643.049.978</b>	<b>7.161.349.273</b>

**02. Giá vốn hàng bán**

	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017</u>	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</u>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	21.233.816.095	4.757.500.000
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.333.864.316	967.880.760
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	68.432.816	27.489.064
- Giá vốn của hợp đồng xây dựng	-	291.535.181
<b>Cộng</b>	<b>22.636.113.227</b>	<b>6.044.405.005</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT**

Số 17, ngõ 12, phố Nguyễn Khuyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**03. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	447.693.351	338.014.074
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	4.893.196
<b>Cộng</b>	<b>447.693.351</b>	<b>342.907.270</b>

**04. Chi phí tài chính**

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
- Lãi tiền vay	169.464.258	-
<b>Cộng</b>	<b>169.464.258</b>	<b>-</b>

**05. Chi phí khác**

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
- Chi phí khấu hao của tài sản cố định tạm ngừng sử dụng	278.713.282	277.142.187
- Các khoản phạt chậm nộp	213.321.113	-
- Các khoản khác	-	517.859
<b>Cộng</b>	<b>492.034.395</b>	<b>277.660.046</b>

**06. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
<b>a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh</b>	<b>620.422.835</b>	<b>642.568.689</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	370.243.460	432.337.399
- Chi phí vật liệu quản lý	13.809.138	28.521.609
- Chi phí đồ dùng văn phòng	12.305.504	-
- Chi phí khấu hao TSCĐ	50.364.148	-
- Thuế, phí và lệ phí	13.525.000	11.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	114.586.100	20.136.875
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	45.589.485	150.572.806
<b>b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh</b>	<b>12.000.000</b>	<b>-</b>
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>632.422.835</b>	<b>642.568.689</b>

**07. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	80.392.738	193.738.538
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-
<b>- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>80.392.738</b>	<b>193.738.538</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT**

Số 17, ngõ 12, phố Nguyễn Khuyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**08. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	74.487.067	195.921.936
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	74.487.067	195.921.936
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi <sup>(*)</sup>	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.650.000	5.650.000
<b>- Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>13</b>	<b>35</b>

<sup>(\*)</sup> Công ty chưa có cơ sở để tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận kỳ này.

**09. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	74.487.067	195.921.936
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	74.487.067	195.921.936
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi <sup>(*)</sup>	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.650.000	5.650.000
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>13</b>	<b>35</b>

<sup>(\*)</sup> Công ty chưa có cơ sở để tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận kỳ này.

**10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	808.510.109	692.724.055
- Chi phí nhân công	542.100.240	638.818.372
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	313.799.062	224.219.640
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	146.320.948	105.154.192
- Chi phí khác bằng tiền	59.114.485	101.781.020
<b>Cộng</b>	<b>1.869.844.844</b>	<b>1.762.697.279</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT**

Số 17, ngõ 12, phố Nguyễn Khuyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Không có thông tin cần bổ sung.

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2017 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

**02. Giao dịch với các bên liên quan*****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017</u>	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</u>
<b><i>Ông Nguyễn Ngọc Sơn – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/8/2017)</i></b>		
+ Tạm ứng	4.070.500.000	5.128.300.000
+ Hoàn ứng	4.694.370.874	6.552.882.688
<b><i>Ông Phạm Đức Hoàn - Ủy viên Hội đồng quản trị</i></b>		
+ Tạm ứng	2.448.000.000	250.000.000
+ Hoàn ứng	2.033.582.682	240.637.500

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Ông Nguyễn Ngọc Sơn – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/8/2017)</i></b>	<b>4.333.775.500</b>	<b>4.957.646.374</b>
+ Tạm ứng	4.333.775.500	4.957.646.374
<b><i>Ông Phạm Đức Hoàn - Ủy viên Hội đồng quản trị</i></b>	<b>482.479.861</b>	<b>68.062.543</b>
+ Tạm ứng	482.479.861	68.062.543
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>4.816.255.361</b>	<b>5.025.708.917</b>

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017</u>	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</u>
Tiền lương, phụ cấp	126.519.167	112.757.501
<b>Cộng</b>	<b>126.519.167</b>	<b>112.757.501</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT**

Số 17, ngõ 12, phố Nguyễn Khuyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

**03. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

***Lĩnh vực kinh doanh:***

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực thương mại: bán buôn hạt cà phê; hạt tiêu.
- Lĩnh vực sản xuất: nuôi trồng thủy sản;
- Lĩnh vực dịch vụ: cung cấp dịch vụ chăm sóc cây xanh;
- Lĩnh vực xây dựng: thi công công trình xây dựng.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

11/11/2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HÙNG VIỆT**

Số 17, ngõ 12, phố Nguyễn Khuyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

	Thương mại	Sản xuất	Dịch vụ	Đơn vị tính: VND
<b>Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017</b>				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	21.935.461.800	1.593.951.813	113.636.365	23.643.049.978
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	21.562.428.660	1.357.743.120	70.135.189	22.990.306.969
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	373.033.140	236.208.693	43.501.176	652.743.009
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	-	-	-	-
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	318.792.491	23.165.223	1.651.500	343.609.214
<b>Số dư tại ngày 30/6/2017</b>				
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	69.624.601.342	5.059.308.099	360.689.311	75.044.598.752
- Tài sản không phân bổ				10.864.610.882
<b>Tổng tài sản</b>	<b>69.624.601.342</b>	<b>5.059.308.099</b>	<b>360.689.311</b>	<b>85.909.209.634</b>
- Nợ phải trả bộ phận	7.555.011.023	548.988.830	39.138.633	8.143.138.486
- Nợ phải trả không phân bổ				-
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>7.555.011.023</b>	<b>548.988.830</b>	<b>39.138.633</b>	<b>8.143.138.486</b>

**Khu vực địa lý:**

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT**

Số 17, ngõ 12, phố Nguyễn Khuyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

	Thương mại	Sản xuất	Dịch vụ	Xây dựng	Đơn vị tính: VND
					Cộng
<b>Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016</b>					
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	4.982.400.000	1.761.222.000	45.454.546	372.272.727	7.161.349.273
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	4.965.984.881	1.041.577.806	29.391.076	307.112.661	6.344.066.424
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	16.415.119	719.644.194	16.063.470	65.160.066	817.282.849
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	27.317.078	9.656.278	249.214	2.041.065	39.263.636
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	359.618.994	127.121.243	3.280.812	26.869.851	516.890.900
<b>Số dư tại ngày 30/6/2016</b>					
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	45.629.785.863	16.129.612.781	416.281.551	3.409.345.861	65.585.026.056
- Tài sản không phân bổ					14.986.524.467
<b>Tổng tài sản</b>	<b>45.629.785.863</b>	<b>16.129.612.781</b>	<b>416.281.551</b>	<b>3.409.345.861</b>	<b>80.571.550.523</b>
- Nợ phải trả bộ phận	2.959.946.291	1.046.307.508	27.003.656	221.159.938	4.254.417.393
- Nợ phải trả không phân bổ					-
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>2.959.946.291</b>	<b>1.046.307.508</b>	<b>27.003.656</b>	<b>221.159.938</b>	<b>4.254.417.393</b>

**Khu vực địa lý:**

Toàn bộ hoạt động của Công ty chi diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT**  
Số 17, ngõ 12, phố Nguyễn Khuyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.392.290.882	1.790.330.128	1.392.290.882	1.790.330.128
Phải thu khách hàng và phải thu khác	12.735.183.007	19.695.670.279	12.735.183.007	19.695.670.279
Phải thu về cho vay	9.472.320.000	9.472.320.000	9.472.320.000	9.472.320.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>23.599.793.889</b>	<b>30.958.320.407</b>	<b>23.599.793.889</b>	<b>30.958.320.407</b>

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả cho người bán	3.123.595.049	8.730.688.070	3.123.595.049	8.730.688.070
Vay và nợ	4.230.200.000	3.889.500.000	4.230.200.000	3.889.500.000
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	51.806.707	51.240.619	51.806.707	51.240.619
<b>Cộng</b>	<b>7.405.601.756</b>	<b>12.671.428.689</b>	<b>7.405.601.756</b>	<b>12.671.428.689</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT**

Số 17, ngõ 12, phố Nguyễn Khuyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**05. Tài sản đảm bảo****Tài sản thế chấp cho đơn vị khác**

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.07 và V.09). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

<b>Tài sản thế chấp</b>	<b>Nguyên giá</b>	<b>Giá trị còn lại</b>	<b>Điều khoản và điều kiện thế chấp</b>
<b>Số cuối kỳ</b>			
Ô tô tải nhãn hiệu Ford ranger	604.545.455	554.166.668	Tài sản thế chấp tại ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội, tài sản được giải chấp khi trả hết gốc vay.
<b>Cộng</b>	<b>604.545.455</b>	<b>554.166.668</b>	
<b>Số đầu năm</b>			
Ô tô tải nhãn hiệu Ford ranger	604.545.455	584.393.940	
<b>Cộng</b>	<b>604.545.455</b>	<b>584.393.940</b>	

**06. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

**Phải thu khách hàng**

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

**Tiền gửi ngân hàng**

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**Các khoản cho vay**

Công ty cho các cá nhân vay tiền. Công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các đơn vị có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

**07. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT**

Số 17, ngõ 12, phố Nguyễn Khuyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

*Đơn vị tính: VND*

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>				
Phải trả cho người bán	3.123.595.049	-	-	3.123.595.049
Vay và nợ	2.926.880.000	1.303.320.000	-	4.230.200.000
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	51.806.707	-	-	51.806.707
<b>Cộng</b>	<b>6.102.281.756</b>	<b>1.303.320.000</b>	-	<b>7.405.601.756</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả cho người bán	8.730.688.070	-	-	8.730.688.070
Vay và nợ	3.537.840.000	351.660.000	-	3.889.500.000
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	51.240.619	-	-	51.240.619
<b>Cộng</b>	<b>12.319.768.689</b>	<b>351.660.000</b>	-	<b>12.671.428.689</b>

**08. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

***Rủi ro ngoại tệ***

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và cho vay.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

***Rủi ro về giá khác***

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

**09. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.



**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT**

Số 17, ngõ 12, phố Nguyễn Khuyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

**10. Thông tin về hoạt động liên tục**

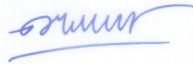
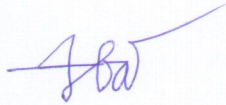
Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2017

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Tổng Giám đốc**



**Đỗ Thị Hà**

**Nguyễn Đồng Minh**

**Nguyễn Khánh Toàn**